BAN QUẢN LÝ CÁC KCX VÀ CN TP. HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM

Lớp : Tiếng Anh 1 - K13

Môn thi: **Nói 1** Lần thi: 1 Giám thị 1: _____ Ký tên:

Học kỳ: 2 Năm học: 2011 - 2012 Ngày thi: 23/5/12 Giám thị 2: _____ Ký tên:

Cán bộ giảng dạy: _____ Phòng thi: A1.5 Giám thị 3: _____ Ký tên:

Tổng số bài: 28 Số tờ: _____ Giám thị 4: _____ Ký tên:

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
1	1110110001	Đào Thị Kim	Chi	17/05/1993		7.0	6.5	6.5	
2	1110110002	Mai Nguyễn Hồng	Diễm	05/06/1993		7.0	6.0	6.5	
3	1110110003	Quách Hướng	Dương	02/08/1992		6.0	6.0	6.0	
4	1110110004	Nguyễn Ngọc	Dung	08/06/1993		7.0	6.5	6.5	
5	1110110005	Mai Thị Ngọc	Dung	26/11/1993		7.0	5.5	6.0	
6	1110110006	Phạm Thị Thùy	Dung	12/11/1992		7.0	5.0	5.5	
7	1110110007	Loọc Tạc	Dùng	13/08/1992		8.0	6.0	6.5	
8	1110110008	Hồ Nguyễn Ngọc	Duyên	13/11/1993		8.0	5.5	6.5	
9	1110110009	Trần Thị Anh	Đào	22/10/1993		8.0	5.0	6.0	
10	1110110010	Mã Mỹ	Điền	27/12/1993		/	/	/	
11	1110110011	Nguyễn Hồng Kim	Giang	12/05/1991		8.0	5.5	6.5	
12	1110110012	Trần Thị Mỹ	Hằng	10/11/1990		7.5	6.5	7.0	
13	1110110013	Chung Thiên Ngân	Hà	08/12/1992		7.0	5.5	6.0	
14	1110110014	Đặng Thị Mỹ	Hiền	16/06/1993		7.0	4.5	5.5	
15	1110110015	Đào Minh	Hiếu	19/11/1993		8.0	4.5	5.5	
16	1110110016	Nguyễn Thị Thúy	Hoa	05/02/1993		/	/	/	
17	1110110017	Ngô Thị Kiều	Hoa	06/06/1993		7.0	5.0	5.5	
18	1110110018	Trần Thị	Huệ	08/10/1993		7.0	5.0	5.5	
19	1110110019	Trịnh Thị Ngọc	Huyền	15/06/1993		/	/	/	
20	1110110020	Nguyễn Thị Phương	Kiều	09/05/1993		7.0	3.0	4.0	
21	1110110021	Nguyễn Tiến	Lâm	09/08/1990		7.0	6.5	6.5	
22	1110110022	Nguyễn Văn	Lộc	07/04/1993		/	/	/	
23	1110110023	Đỗ Thị Quỳnh	Mai	18/02/1993		7.0	4.5	5.5	
24	1110110024	Trần Nguyễn Trà	My	25/06/1993		7.0	4.5	5.5	
25	1110110025	Lâm Cẩm	My	06/04/1993		7.0	6.5	6.5	

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
26	1110110026	Nguyễn Thị Kim	Ngân	08/08/1992		8,0			
27	1110110027	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/04/1993		8.0	6.5	7.0	
28	1110110028	Thái Thị Kim	Ngân	30/03/1993		8,0	6.0	6.5	
29	1110110029	Nguyễn Thị Kim	Ngân	19/08/1992		7.0	6.0	6.5	
30	1110110030	Lê Hồng	Ngọc	14/12/1992		7.0	4.5	5.5	
31	1110110032	Lai Nguyễn Thảo	Nguyên	13/10/1993		7,0	5.0	5.5	
32	1110110033	Lên Phạm Thị Ánh	Nguyệt	10/02/1990		8,0	8,0	8,0	
33	1110110034	Đỗ Thị Yến	Nhi	15/06/1993		8.0	5.0	6.0	

Ngày . 23 . tháng . 5 . . . năm 2012.